

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS - ST
Ngày: 27/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Cảnh

2. Ông A Son

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Điểm trường PTDTBT Tiểu học Thôn Kon Tu Răng 1, xã Măng Cành huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân huyện Kon Plông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST - HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ **A B1**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 197x tại huyện K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 00/12; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không. Con ông A BR (đã chết) và bà Y Đ (đã chết); Bị cáo có vợ là Y S (Sinh năm 197x); Bị cáo có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tốt.

Bị cáo A B1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 25/3/2022 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2/ **A L**; Tên gọi khác: Không; Sinh 199x tại huyện K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không. Con ông A B1 (sinh năm 197x) và bà Y S (sinh năm: 197x). Bị cáo có vợ là Y T (Sinh năm 199x); Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Bị cáo là con đầu trong gia đình có 06 anh em. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tốt.

Bị cáo A L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 25/3/2022 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

3/ **A A**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 199x tại huyện K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không. Con ông A B1 (sinh năm 197x) và bà Y S (sinh năm: 197x). Bị cáo có vợ là Y B3 (Sinh năm 200x); Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 06 anh em. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tốt.

Bị cáo A L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 25/3/2022 đến nay.*(Có mặt tại phiên tòa)*.

4/ **A K**; Tên gọi khác: Không; Sinh 200x tại huyện K, tỉnh Kon Tum. Chỗ ở hiện nay: thôn Kon Tu Răng, xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tơ Đra; Tôn giáo: Không. Con ông A N và bà Y L Bị cáo có vợ là Y B2 (Sinh năm 2001); Bị cáo có 01 con sinh năm 2019. Bị cáo là con đầu trong gia đình có 03 anh em. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tốt.

Bị cáo A K bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 25/3/2022 đến nay.*(Có mặt tại phiên tòa)*.

5/ **Y B2**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03 tháng 05 năm 2001 tại huyện K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không. Con ông A B1 (sinh năm 197x) và bà Y S (sinh năm: 197x). Bị cáo có chồng là A K (Sinh năm 200x); Bị cáo có 01 con sinh năm 2019. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 06 anh em. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tốt.

Bị cáo Y B2 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/3/2022 đến nay.*(Có mặt tại phiên tòa)*.

6/ **Y S**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 197x tại huyện K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 00/12; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không. Con ông A D và bà Y Di. Bị cáo có chồng là A B1 (Sinh năm 197x); Bị cáo có 06 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tốt.

Bị cáo Y S bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/3/2022 đến nay.*(Có mặt tại phiên tòa)*.

7/ **Y B3**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17 tháng 6 năm 2001 tại huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Chết ngày 15/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Kon Plông đã ra quyết định đình chỉ vụ án và hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Y B3.

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh N – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Thanh N là ông Mai Xuân M – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. *(Theo văn bản ủy quyền số 300A/UBND-VP ngày 14/2/2022). (có mặt)*

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật ông Mai Xuân M – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- **Người phiên dịch:** Ông A Thắng – Chủ tịch Hội nông dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2021, vì nhu cầu cần thêm đất để canh tác, trồng trọt nên A B1 nảy sinh ý định đến khu vực rừng gần sông S'Nghé, thuộc địa bàn thôn Kon Tu Răng, xã Măng Cành, huyện Kon Plông để phát phá rừng làm nương rẫy. Để thực hiện được mục đích, A B1 đã rủ vợ là Y S và các con gồm A L, A K, A A, Y B2, Y B3 cùng đi phá rừng. Các bị cáo thống nhất sau khi phát xong rừng, sẽ chia cho mỗi người một ít diện tích đất để canh tác. Nhóm của A B1 phát rừng trong vòng 03 ngày. Ngày đầu tiên, A B1 cùng Y S, A A, A L, A K mang theo 01 máy cưa, 01 cái rìu, 03 con dao rựa đi bộ đến khu vực rừng thuộc Lô 8 khoảnh 12 tiểu khu 477 lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Măng Cành, huyện Kon Plông quản lý thuộc địa giới hành chính xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum bắt đầu thực hiện hành vi phá rừng trái pháp luật. A B1 dùng rìu, dao rựa và Y S dùng dao rựa phát dọn những cây nhỏ, cây bụi; A A, A L và A K thay nhau cầm cưa cắt hạ những cây gỗ lớn; Y B2 và Y B3 vì phải chăm con nhỏ nên không cùng tham gia được nhưng chuẩn bị thức ăn, nước uống cho những người khác đi phá rừng. Ngày thứ hai, Y B2 gửi con cho mẹ (là bà Y S) trông giúp rồi tham gia cùng những người khác, Y B3 phải trông con nhỏ nên tiếp tục ở nhà chuẩn bị thức ăn, nước uống cho những người đi làm. Ngoài việc ở nhà trông con của Y B2, bà Y S còn chuẩn bị thức ăn, nước uống cho chồng con đi phá rừng. A B1, A A, A L, A K và Y B2 mang theo 01 máy cưa, rìu, dao rựa đi đến khu vực rừng hôm trước, A B1 và Y B2 dùng rìu, dao rựa để chặt những cây nhỏ; A A, A L và A K thay nhau dùng cưa máy cắt hạ những cây gỗ lớn. Ngày thứ ba, Y B3 không phải trông con nhỏ nên cùng tham gia với những người khác. Bà Y S tiếp tục ở nhà trông con của Y B2, Y B3 và chuẩn bị thức ăn, nước uống cho A B1 đi phá rừng. A B1, A A, A L, A K, Y B2 và Y B3 mang theo máy cưa, rìu, dao rựa cùng nhau đi đến khu vực rừng hôm trước, A B1, Y B3 và Y B2 dùng dao rựa chặt hạ những cây nhỏ; A A, A L và A K thay nhau dùng cưa máy cắt hạ những cây gỗ lớn. Đến chiều, cả nhóm nhận thấy đã phát được 01 diện tích đủ nhu cầu nên thống nhất không phát nữa chờ đến khi cây khô sẽ tiến hành đốt dọn. Ngày 31/12/2021, tổ công tác liên ngành thuộc Ủy ban nhân dân xã Măng Cành phát hiện vụ việc và báo cáo Hạt kiểm lâm huyện Kon Plông thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 05/01/2022, Hạt kiểm lâm huyện Kon Plông phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án. Kết quả khám nghiệm hiện trường đã xác định diện tích rừng bị phá là 14.360 mét vuông. Theo Kết quả kiểm kê rừng năm 2014, diện tích rừng tại Lô 8 Khoảnh 12 Tiểu khu 477 lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Măng Cành quản lý là rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông đã yêu cầu A B1 xác định vị trí ranh giới diện tích rừng mà nhóm của A B1 đã phá. Kết quả làm việc tại hiện trường xác định diện tích rừng do A B1, A A, A L, A K, Y B2, Y B3 và Y S phá

trái phép là 9.215 mét vuông rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong tổng số 14.360 mét vuông rừng bị phá.

Tại bản Kết luận giám định của Giám định viên trong lĩnh vực Lâm nghiệp tỉnh Kon Tum ngày 25/02/2022 kết luận: trữ lượng cây đứng trên diện tích 9.215 mét vuông rừng sản xuất là rừng tự nhiên bị thiệt hại là 92,783 m³; sản lượng gỗ thương phẩm bị thiệt hại gỗ là 36,290 m³. Về thiệt hại môi trường rừng Giám định viên không thực hiện được do không có cơ sở, căn cứ khoa học.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận trị giá 36,290 mét khối gỗ có giá trị 88.752.150 đồng. *(Tám mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, một trăm năm mươi đồng).*

Về vật chứng vụ án, trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông đã tạm giữ: 01 (một) con dao rựa có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, tổng chiều dài 63cm; 01 (một) lưỡi rìu có cán bằng gỗ dài 46cm, lưỡi rìu bằng kim loại dài 17cm; 01 (một) con dao rựa có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, tổng chiều dài 54 cm; 01 (một) con dao rựa có lưỡi dao bằng kim loại dài 38cm, không có cán dao; 01 (một) con dao rựa có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, tổng chiều dài 56cm; 01 (một) máy cưa xăng màu đỏ cam, không rõ nhãn hiệu, tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy; 01 (một) lam cưa bằng kim loại, đường kính lam rộng nhất là 8cm, lam dài 69cm và 01 xích cưa; 01 (một) con dao rựa có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, tổng chiều dài 56cm; Số tiền 88.752.150 đồng.

Đối với vật chứng vụ án là toàn bộ số gỗ tại hiện trường, sau khi khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông và Hạt kiểm lâm huyện Kon Plông đã giao toàn bộ cho Ủy ban nhân dân xã Măng Cành quản lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đã truy tố các bị cáo A B1 và đồng phạm về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông phát biểu luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo; đã phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Qua đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo A B1, A L, A A, A K, Y B2, Y B3, Y S phạm tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự tuyên phạt :

- Bị cáo A B1 từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/03/2022.

- Bị cáo A L từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/03/2022.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, điều 65 của Bộ luật hình sự tuyên phạt :

Các bị cáo A A và A K cùng mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã Măng Cành quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú hoặc vi phạm nghĩa vụ thì xử lý theo quy định. Đề nghị trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 36; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự tuyên phạt :

- Bị cáo Y B2 mức án từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Y S mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Y B2, Y S cho UBND xã Măng Cành quản lý, giám sát trong thời gian chấp hành án. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày UBND xã Măng Cành tiếp nhận Quyết định, hồ sơ thi hành án theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự. Tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đầy đủ căn cứ, và yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Đối với số tiền 88.752.150 đồng, các bị cáo đã nộp để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho Nhà nước. Hiện tại tuy nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu do chưa có điều kiện chứng minh toàn bộ thiệt hại, nhưng đây là số tiền của các bị cáo tự nguyện nộp để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả nên cần giao cho nguyên đơn dân sự (UBND huyện Kon Plông) xử lý nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường thiệt hại sau này nếu có.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) máy cưa xăng màu đỏ cam, không rõ nhãn hiệu, tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy; 01 (một) lam cưa bằng kim loại, đường kính lam rộng nhất là 8cm, lam dài 69cm và 01 xích cưa;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) lưỡi rìu có cán bằng gỗ dài 46cm, lưỡi rìu bằng kim loại dài 17cm; 05con dao rựa có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại (*Tất cả có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2022 giữa CQCSĐT Công an huyện Kon plông và Chi cục THADS huyện Kon Plông*).

- Đối với 36,290 m³ gỗ còn lại tại hiện trường có giá trị 88.752.150 đồng hiện tại Ủy ban nhân dân xã Măng Cành tạm thời quản lý; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự giao cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum là chủ sở hữu Nhà nước về rừng ở địa phương quản lý, xử lý theo quy định.

Đối với các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đã truy tố, thống nhất với bản luận tội của Đại diện Viện

kiểm sát. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị dùng nhục hình.

Nguyên đơn dân sự trình bày ý kiến: Vì số gỗ tại hiện trường chưa được thu gom để xử lý bán đấu giá được bao nhiêu để khấu trừ thiệt hại; bên cạnh đó thiệt hại về môi trường rừng, và các thiệt hại khác từ rừng các cơ quan chức năng, nguyên đơn dân sự chưa xác định được. Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị tách vấn đề dân sự để yêu cầu giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không có yêu cầu, đề nghị gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận việc làm của mình cam đoan không tái phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy có đủ căn cứ khẳng định:

Vào khoảng tháng 10 năm 2021, do cần đất để sản xuất nên A B1 nảy sinh ý định phá rừng làm nương rẫy. A B1 đã rủ vợ là Y S và các con là A L, A A, A K, Y B2 và Y B3 cùng thực hiện hành vi phá rừng và thống nhất sau khi phá rừng xong sẽ chia cho mỗi người một phần diện tích để canh tác. A B1 cùng Y S, A L, A A, A K, Y B2, Y B3 đi bộ, sử dụng cưa máy, rìu, dao rựa cắt hạ, chặt phá trái phép các cây gỗ tự nhiên tại khu vực rừng thuộc Lô 8 Khoảnh 12 Tiểu khu 477 thuộc lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Măng Cành quản lý thuộc địa giới hành chính xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum **gây thiệt hại trên diện tích 9.215 mét vuông rừng sản xuất là rừng tự nhiên; sản lượng gỗ thiệt hại là 36,290 m³, trị giá 88.752.150 đồng.** Về thiệt hại môi trường rừng Giám định viên không thực hiện được do không có cơ sở, căn cứ khoa học.

Như vậy, hành vi của các bị cáo A B1, A L, A A, A K, Y B2, Y B3, Y S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội - đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái rừng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rằng việc chặt phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi cá nhân, gia đình (cần đất sản xuất nông nghiệp) nên đã cố ý thực hiện. Trong khi Nhà nước ta, các ngành, các cấp của tỉnh Kon Tum, huyện Kon Plông đã có nhiều giải pháp chỉ đạo quyết liệt, phát động các đợt cao điểm phong trào toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn. Nhưng, tình hình chặt phá rừng trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra ngày càng phức tạp. Do vậy, cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để trừng trị, giáo dục bị cáo đồng thời để răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

- *Về đặc điểm nhân thân*: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- *Về tính chất của mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm*: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng ở mức độ giản đơn, các bị cáo có sự bàn bạc, thỏa thuận, chuẩn bị công cụ trước khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo, nên không xem là phạm tội có tổ chức. Cụ thể:

Bị cáo A B1 là người nảy sinh ý định, rủ rê những bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội và hứa hẹn sẽ phân chia phần diện tích đất cho mỗi người sau khi chặt phá rừng. Trong ba ngày, bị cáo A B1 trực tiếp sử dụng rìu, dao để phá rừng. Do đó, A B1 có vai trò vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành trong vụ án.

Bị cáo A L, A A và A K đều tiếp nhận ý chí của A B1, trực tiếp sử dụng cưa máy, dao rựa để thực hiện hành vi của hạ những cây gỗ lớn xuyên suốt trong thời gian 03 ngày đi phá rừng. Do đó, A L, A A và A K đều có vai trò là người thực hành tích cực trong vụ án.

Bị cáo Y B3, Y B2 và Y S đều tiếp nhận ý chí của A B1, trực tiếp dùng dao rựa thực hiện hành vi phá rừng, chuẩn bị thức ăn, nước uống cho người khác thực hiện hành phá rừng. Tuy các bị cáo chỉ trực tiếp đi phá rừng từ 01 đến 02 ngày nhưng trong những ngày còn lại khi ở nhà các bị cáo đều chuẩn bị cơm thức ăn, nước uống phục vụ cho các bị cáo khác đi làm. Vì vậy, các bị cáo Y B2, Y B3 và Y S đều có vai trò vừa là người thực hành, vừa là người giúp sức trong vụ án.

Ngoài ra khi quyết định hình phạt cần xem xét thêm các tình tiết: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, mục

đích phá rừng cần đất sản xuất nông nghiệp; mỗi quan của các bị cáo là những người trong cùng gia đình. Trong đó A B1 là chồng Y S, các bị cáo A L, A A, Y B2 là con ruột của bị cáo A B1 và Y S; bị cáo A K là chồng của bị cáo Y B2 (con rể của bị cáo A B1 và Y S); bị cáo Y B3 là vợ của bị cáo A A (con dâu của bị cáo A B1 và Y S). Các bị cáo A A, A K, Y B2 có con còn nhỏ cần có người chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với bị cáo Y B3 (vợ của bị cáo A A) chết ngày 15/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Kon Plông đã ra quyết định đình chỉ vụ án và hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư đối với bị cáo Y B3.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nghề nghiệp làm nông, thu nhập không ổn định do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại): Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn dân sự có yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị tách vấn đề dân sự để yêu cầu giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi chặt phá rừng trên diện tích 9.215 mét vuông rừng sản xuất là rừng tự nhiên gây thiệt hại 36,290 m³ gỗ có giá trị 88.752.150 đồng, thiệt hại nêu trên là do bị cáo gây ra, lỗi thuộc về các bị cáo, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Tuy nhiên, số gỗ này tại hiện trường chưa được thu gom để xử lý bán đấu giá được bao nhiêu để khấu trừ thiệt hại; bên cạnh đó tổng thiệt hại về rừng do các bị cáo chặt phá các cơ quan chức năng chưa xác định được. Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự đề nghị tách vấn đề dân sự (về bồi thường thiệt hại) để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu. Xét thấy nguyên đơn dân sự chưa có điều kiện chứng minh thiệt hại và việc tách vấn đề dân sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên việc bồi thường thiệt hại cần tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi nguyên đơn có yêu cầu.

Đối với số tiền 88.752.150 đồng, các bị cáo đã nộp để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho Nhà nước. Hiện tại tuy nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu do chưa có điều kiện chứng minh toàn bộ thiệt hại, nhưng đây là số tiền của các bị cáo tự nguyện nộp để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả nên cần giao cho nguyên đơn dân sự (UBND huyện Kon Plông) xử lý nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường thiệt hại sau này nếu có.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 (một) máy cưa xăng màu đỏ cam, không rõ nhãn hiệu, tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy; 01 (một) lam cưa bằng kim loại, đường kính lam rộng nhất là 8cm, lam dài 69cm và 01 xích cưa xét thấy đây là công cụ dùng vào việc phạm tội vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung công.

- Đối với 01 (một) lưỡi rìu có cán bằng gỗ dài 46cm, lưỡi rìu bằng kim loại dài 17cm; 05con dao rựa có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại (*Tất cả có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2022 giữa CQCSĐT Công an*

huyện Kon Plông và Chi cục THADS huyện Kon Plông) là công cụ các bị cáo dùng để phát, chặt hạ trái phép các cây gỗ hiện nay đã bị rỉ sét, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với khối lượng gỗ là 36,290 m³ gỗ có giá trị 88.752.150 đồng còn lại tại hiện trường do bị cáo chặt phá, Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao cho Ủy ban nhân dân xã Măng Cành tạm thời quản lý. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn dân sự (Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) là cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với rừng tại địa phương. Do đó cần giao cho nguyên đơn dân sự quản lý và tiến hành xử lý đối với số gỗ tại hiện trường nêu trên theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với Ủy ban nhân dân xã Măng Cành được giao quản lý, bảo vệ rừng tại Khoảnh 12 Tiểu khu 477 và kiểm lâm địa bàn đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, phối hợp tuần tra, truy quét, phát hiện được hành vi phá rừng trái pháp luật của các bị cáo A B1 và đồng phạm, lập biên bản sự việc và báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Do đó, chưa đủ cơ sở để xử lý về hành vi Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo A B1, Y S, A L, A A, A K, Y B2 phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo A B1 22 (hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/03/2022.

- Xử phạt bị cáo A L 17 (mười bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/03/2022.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58, điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo A A 16 (mười sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án 27/6/2022.

- Xử phạt bị cáo A K 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án 27/6/2022.

Giao người được hưởng án treo (A A, A K) cho UBND xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án (A A, A K) có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục (A A, A K).

Trường hợp người được hưởng án treo (A A, A K) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (A A, A K) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (A A, A K) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 36; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Y B2 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Y S 17 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Y B2, Y S cho UBND xã măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Y B2, Y S có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Y B2, Y S. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Y B2, Y S.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tách vãn đề bồi thường thiệt hại ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi nguyên đơn dân sự có yêu cầu.

Giao cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông số tiền 88.752.150 đồng (*Tám mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, một trăm năm mươi đồng*) mà các bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả (*theo Giấy Ủy nhiệm chi số 02 ngày 26/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông*) xử lý nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường thiệt hại sau này nếu có.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) lưỡi rìu có cán bằng gỗ dài 46cm, lưỡi rìu bằng kim loại dài 17cm; 05 con dao rựa lưỡi bằng kim loại.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) máy cưa xăng màu đỏ cam, không rõ nhãn hiệu, tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy; 01 (một) lam cưa bằng kim loại, đường kính lam rộng nhất là 8cm, lam dài 69cm và 01 xích cưa

(*Tất cả theo đặc điểm mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2022 giữa CQCSĐT Công an huyện Kon Plông và Chi cục THADS huyện Kon Plông*).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao cho nguyên đơn dân sự (Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) sản lượng gỗ là 36,290 m³ gỗ còn tại hiện trường tại thuộc Lô 8 Khoảnh 12 Tiểu khu 477 thuộc lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Măng Cành quản lý thuộc địa giới hành chính xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum quản lý để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo A B1, A L, A A, A K, Y B2, Y S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/6/2022) bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THAHS TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện KonPlông;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xong